

13

我們敬拜祢的十字架

Crucem tuam

Em $\text{♩} = 63$ 0 3̣ 6̣ 7̣ || : 1̣ 7̣ 1̣ 2̣ 1̣ 2̣ 2̣ | 3̣ 3̣ 3̣ 4̣ 4̣ 5̣ 2̣ | 3̣ 3̣ 1̣ 2̣ 1̣ 7̣ 7̣ |

Cru-cem tu - am a - do - ra - mus Do-mi - ne, re-sur-rec - ti - o - nem tu-am lau-da-mus Do-mi -
 耶 穌 我 們 敬 拜 祢 的 十 字 架，敬 拜 祢 的 光 榮 復 活，讚 美 復 活 上

6̣ 0̣ 3̣ 4̣ 3̣ | 3̣ 3̣ 3̣ 3̣ 4̣ 3̣ | 0̣ 3̣ 3̣ 4̣ 4̣ 5̣ 2̣ | 3̣ 3̣ 1̣ 2̣ 1̣ 7̣ 7̣ | 6̣ 3̣ 6̣ 7̣ :||

ne. Lau-da-mus et glo-ri-fi-ca-mus. Re-sur-rec-ti-o-nem tu-am lau-da-mus Do-mi - ne. Cru-cem tu -
 主。讚 美 祢 主 耶 穌 - 基 督， 敬 拜 祢 的 光 榮 復 活，讚 美 復 活 上 主。耶 穌 我